TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2018
V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, hợp đồng vay và hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05/12/2017 "V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, hợp đồng vay và hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Kim L, sinh năm 1981; (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 82A/6 ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Tạm trú: 34/4 ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Hà Hoàng N, sinh năm 1977; (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 82A/6 ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Hà Hoàng N là luật sư Trần Hồ N – văn phòng luật sư Trần N- thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

Địa chỉ: 70/78 đường T, Phường X, thành phố V, tỉnh V.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị K, sinh năm 1984; (có mặt).

Địa chỉ: 126/6 ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyễn Thị K là: Luật sư Phạm Văn K - Đoàn luật sư Phạm Văn K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (có mặt).

Địa chỉ: 85D, K, Khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Luật sư Hồ Thị Xuân H- Văn phòng Luật sư Xuân H - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt).

Địa chỉ: 70, H, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ.

- Hà Đại B, sinh năm 2001.(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 82A/6 ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện cho Hà Đại B là Hà Hoàng N, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số nhà 82A/6 ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Kim L trình bày:

Chị Phan Kim L và anh Hà Hoàng N kết hôn năm 2000, trong quá sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị L và anh N đã ly hôn theo bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST ngày 16/10/2017, về con chung anh N nuôi hai con chung Hà Đại B và Hà Thùy M chị L nuôi một con chung tên Hà Thùy L. Về tài sản chung, nợ chung chị L và anh N thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nhưng sau đó chị L và anh N không thỏa thuận được, dẫn đến tranh chấp. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị L và anh N gồm 01 căn nhà tường 01 trệt, 01 gác lửng, nhà khung bê tông cốt thép, mái tole sóng vuông tường dán gạch nền lát gạch xây dựng năm 2013 diện tích nhà 79.8m^2, trị giá nhà 193.338.000 đồng và mái che khung tiền chế, mái tol sóng vuông, nền lát gạch Ceramic diện tích 41.4m^2 thành tiền 40.377.000 đồng và hàng rào lưới B40 dài 12m, cao 1.8m, hàng rào khung sắt dài 6m cao 1.8m trị giá 33.252.000 đồng, tất cả trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/10/2013 đứng tên hộ ông Hà Hoàng N. Tổng giá trị theo định giá nhà và hàng rào là 266.967.000 đồng. Giá đất là 200.000 đồng/01m$^{2.}$. Tổng diện tích đất là 126.5m^2 ,giá trị đất là 25.300.000 đồng. Tổng nhà và đất là 292.267.000 đồng (Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện L lập ngày 06/3/2018). Đối với vật dụng trong nhà chị L đồng ý để lại cho anh N sử dụng, chị L không tranh chấp không yêu cầu định giá.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được nhận ½ giá trị tài sản nhà và đất, chị L đồng ý giao hiện vật nhà và đất cho anh N sử dụng. Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung khác.

Về nợ chung chị L thừa nhận có nợ về tiền hụi và vay của chị Nguyễn Thị K, chị L và anh N tham gia chơi hụi với chị K tổng là 07 phần hụi trong đó 06 phần hụi mùa và 01 phần hụi tháng, (của 04 dây hụi mua và 01 dây hụi tháng). Cả 7 phần hụi này chị L, anh N đã hốt và chị L, anh N đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết tổng số tiền hụi là 113.000.000 đồng và việc chơi hụi này anh N có biết và có ký tên vào hợp đồng chơi hụi, khi hốt hụi mục đích để trả tiền hụi chết và tiêu xài trong gia đình và cho anh N chất nấm rơm. Do đó chị Ly yêu cầu anh N cùng chị L phải có nghĩa vụ trả 113.000.000 đồng cho chị K còn nợ vay 10.000.000 đồng chị L đồng ý trả cho chị K vì trong biên nhận vay chỉ có chị L ký.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Hà Hoàng N là luật sư Trần Hồ N trình bày: Về thời gian ly hôn và tài sản anh N thống nhất như lời trình bày của chị L, anh N đồng ý nhận hiện vật nhà và đất, anh N trả ½ giá trị tài sản nhà và đất cho chị L. Tuy nhiên ngoài thửa đất và nhà trên đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 105 thì chị L và anh N còn có tài sản chung: Là Thửa đất số 1290, tờ bản đồ số 02 diện tích 8.291m^2 đứng tên Phan Kim L được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/9/2004. Nguồn gốc là của cha ruột chị L tên Phan Thành N cho chung anh N và chị L năm 2004. Thửa 1371 tờ bản đồ số 02 đất lúa diện tích 8.652m^2 đứng tên Phan Kim L được Ủy ban nhân dân huyện L cấp 29/8/2008. Nguồn gốc thửa đất này vợ chồng anh N chị L mua của ông Trương Văn D năm 2008. Năm 2016 anh N chị L lên vườn thửa đất 1371 này để trồng cây ăn trái với tổng chi phí là 93.550.000 đồng. Đến tháng 10/2017 vợ chồng ly hôn miếng vườn chưa thu hoạch huê lợi. Đối với thửa đất 1290 hiện nay đã sang tên cho ông Phan Thành N 2017 lý do ông N kêu anh N làm thủ tục sang tên để chị L bán đất do thiếu nợ người khác. Đối với thửa đất 1290 và 1371, anh N sẽ kiện thành một vụ kiện khác.

Đối với vật dụng trong nhà anh N không tranh chấp và không yêu cầu định giá.

Về nợ chung: Anh N thừa nhận có biết và ký vào hợp đồng chơi hụi giữa chị L và chị Nguyễn Thị K như chị K trình bày. Tuy nhiên khi hốt hụi chỉ có chị L hốt và ký tên vào biên nhận nhận tiền, anh N hoàn toàn không biết việc chị L hốt hụi bao nhiêu tiền, mục đích chị L hốt hụi là để làm gì. Anh N thừa nhận thời gian sống chung từ năm 2014 đến năm 2016 anh N có chất nấm rơm nhưng từ số tiền của bạn bè, không phải của chị L, anh N chỉ trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh vì vợ chồng sống chung anh N không nghĩ phải ly hôn nên anh N không lưu chứng cứ. Anh N không biết việc chị L hốt hụi nên không đồng ý cùng chị L trả số nợ hụi 113.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Hà Hoàng N trình bày: Anh N thống nhất với lời trình bày của luật sư Trần Hồ N. Anh N thừa nhận có biết việc chị L tham gia hụi với

chị K anh N có ký vào giấy hụi và đi bỏ hụi nhưng anh N không biết việc chi L đã hốt hụi nên anh N không đồng ý cùng chị L trả nợ hụi là 113.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị K là luật sư Phạm Văn K trình bày: Trước đây giữa chị K anh N và chị L có tham gia chơi hụi với nhau do chị K làm chủ hụi. Hai bên có làm hợp đồng tựa là: Hợp đồng hùn vốn làm ăn "Hụi". Tổng cộng 07 phần hụi, trừ đi 01 phần hụi mùa đã trừ nợ với chị L, anh N còn lại 06 phần , 06 phần hụi này chị K tính từ ngày chị L, anh N vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết đến ngày 31/5/2018, cụ thể các dây hụi như sau:

+ Dây thứ nhất khui ngày 20/8/2012 (hụi mùa). Hụi này đến ngày 20/01/2019 mới mãn. Dây hụi này L N tham gia 01 phần. Dây hụi 20 phần. Gía hụi 5.000.000 đồng. Anh N và chị L hốt hụi lần thứ 4 ngày 15/8/2013 hốt được 57.240.000đồng trừ huê hồng 2.000.000 đồng còn lại 55.240.000 đồng. Chị L và anh N đóng được 10 lần với số tiền 50.000.000đồng, đóng đến tháng 02/2017 không đóng nữa. Tính đến thời điểm này chị L, anh N còn nợ lại 4 lần chưa đóng là 20.000.000 đồng.

+ Dây thứ hai là khui ngày 15/01/2015 (hụi mùa). Mãn ngày 15/05/2020. Dây hụi này có 18 phần, chị L, anh N tham gia 02 phần. Giá hụi 5.000.000 đồng. L N hốt được 01 phần ngày 20/8/2016 với số tiền khi trừ huê hồng là 58.200.000 đồng. Phần dây hụi này chị L, anh N đóng lại được 01 lần đóng đến tháng 1/2017 không đóng nữa còn lại 04 lần chưa đóng là 20.000.000 đồng. Phần thứ hai chị L thiếu tiền chị K và hai bên đã cấn trừ xong.

+ Dây thứ 3 khui ngày 30/4/2015 hụi mùa. Hụi mãn ngày 15/5/2022. Giá hụi 2.000.000 đồng, có 22 phần, L N tham gia một phần, hốt lần thứ nhất sau khi trừ huê hồng thành tiền là 20.200.000 đồng. Dây hụi này L N đóng được 05 lần là 10.000.000 đồng và chị K đã đóng hụi chết cho L N 04 lần 8.000.000 đồng.

+ Dây thứ 4 khui ngày 10/02/2016 (hụi mùa), hụi mãn 10/5/2021. Một năm khui 4 lần. Giá hụi 5.000.000 đồng, có 22 phần, chị L, anh N tham gia 02 phần. Phần thứ nhất hốt lần thứ 1 với số tiền sau khi trừ huê hồng còn lại là 58.000.000 đồng. Chị K đã đóng cho L náo 05 lần với 25.000.000 đồng. Phần thứ hai chị L, anh N hốt ngày 25/11/2016 số tiền sau khi trừ huê hồng là 69.200.0000 đồng, Chị L anh N chưa đóng hụi chết, chị K đóng cho chị L 6 lần 30.000.000 đồng.

+ Dây thứ 5 khui ngày 10/02/2016 (hụi tháng), giá hụi là 1.000.000 đồng, hụi mãn ngày 10/02/2018. L, N tham gia 01 phần. Chị L, anh N hốt hụi ngày 10/5/2016 số tiền 20.380.000 đồng, trừ huê hồng 400.000 đồng còn lại 19.980.000 đồng. Đóng được 12 lần hụi chết còn lại 10 lần số tiền chị L, anh N phải đóng hụi chết lại là 10.000.000đồng.

Tổng số tiền hụi chuyển qua biên nhận mượn là 389.000.000 đồng. Đối với số tiền 389.000.000 đồng này chị L anh N đã trả được 92.000.000 đồng còn

lại 297.000.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 11/01/2017 chị L có đến vay của chị K 10.000.000 đồng, có làm biên nhận có chị L ký vào biên nhận. Mục đích vay là để sử dụng trong gia đình nhưng từ khi vay đến nay chị L và anh N không trả vốn và lãi cho chị K. Nay chị K yêu cầu anh N và chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị K tiền còn thiếu là 113.000.000 đồng tiền hụi và riêng 10.000.000 đồng tiền vay chị K không yêu cầu anh N.

Tại phiên tòa chị K rút yêu cầu đối với số tiền 184.000.000 đồng hụi và không yêu cầu anh N trả 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháo cho chị Nguyễn Thị K là luật sư Hồ Thị Xuân H trình bày: Thống nhất với lời trình bày luật sư K, luật sư H trình bảy bổ sung về căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị K là tại các lần hòa giải và tại biên bản lấy lời khai của anh N, chị L và chị K đều khai nhận là trong các hợp đồng tham gia chơi hụi với chị K đều có anh N và chị L ký tên, hơn nữa khi giao tiền hụi thì chị K và chị L đều khai là giao tại nhà anh N có anh N chứng kiến, anh N thừa nhận có đi góp hụi sống. Đều này chứng tỏ anh N có biết việc chơi hụi và có nghĩa vụ cùng chị L trả lại cho chị K các khoản nợ hụi mà chị K đã đóng thay.

- Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị K thống nhất với lời trình bày của luật sư Phạm Văn K, luật sư Hồ Thị Xuân H, chị K không trình bày bổ sung gì thêm.

Đối với Hà Đại B tại tờ tường trình ngày 06/8/2018, Đại B có ý kiến không yêu cầu gì về tài sản chung của chị L và anh N. Đồng thời Hà Đại B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 14/9/2018. Tại phiên tòa anh Hà Hoàng N là đại diện hợp pháp cho Đại B cũng trình bày ý kiến của Đại B là Đại B không yêu cầu gì trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

+ Về phần tài sản chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh N và chị L về việc yêu cầu chia nhà và đất mỗi người ½ trị giá căn nhà và đất trị giá 292.267.000 đồng. Anh N nhận nhà và đất và trả giá trị ½ căn nhà và đất lại cho chị L sau khi trừ khoản nợ chung.

+ Phần nợ vay mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị K yêu cầu: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị K và chị Phan Kim L về phần chị L vay 10.000.000 đồng. Chị L tự nguyện trả số nợ vay 10.000.000 đồng cho chị K.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị K về phần nợ hụi đối với anh N và chị L.

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K về việc buộc anh Hà Hoàng N cùng chị Pham Kim L trả cho chị K phần tiền nợ hụi mà chị K đã đóng cho vợ chồng anh N và chị L tính ngày 06/8/2018 là 113.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, hợp đồng vay và hụi, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và tài sản là bất động sản tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đ. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xét xử vắng mặt: Đối với Hà Đại B là thành viên trong hộ của Hà Hoàng N là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 34 tờ bản đồ số 105, Hà Đại Bắc đủ 15 tuổi, theo quy định có quyền có ý kiến về tài sản liên quan đến mình. Hà Đại B có ý kiến không yêu cầu gì trong vụ án vì tài sản này là của chung cha mẹ là anh N và chị L, Đại B không có công sức tạo lập nên khối tài sản này. Hà Đại B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 14/9/2018 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Hà Đại B căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu khởi kiện của chị Phan Kim L:

+ Về tài sản và phương thức chia tài sản: Chị L và anh N đều thống nhất khối tài sản chung hiện giờ là 01 ngôi nhà tường 01 trệt, 01 gác lửng có mái che khung tiền chế và hàng rào lưới B40, hàng rào khung sắt được xây dựng trên diện tích 126.5m^2 có tổng trị giá là 292.267.000 đồng.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được chia ½ tài sản chung, chị L nhận giá trị. Chị L giao cho anh N được sử dụng nhà và đất và anh N có nghĩa vụ thanh toán cho chị L tiền chênh lệch về tài sản. Anh N đồng ý theo yêu cầu của chị L,

anh N đồng ý nhận hiện vật là nhà và đất và trả ½ giá trị lại cho chị L. Sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Đối với vật dụng trong nhà anh N và chị L thống nhất không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với việc yêu cầu anh N yêu cầu ông Phan Thành N trả lại thửa 1290 và thửa 1371 để anh Náo chị L chia tài sản chung nhưng anh N không có làm thủ tục khởi kiện và N rút yêu cầu này sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác nên Tòa án không thụ lý và không xem xét giải quyết. Nếu sau này anh N có khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Nguyễn Thị K có yêu cầu chị L và anh N có nghĩa vụ liên đới trả số nợ hụi tổng tiền nợ hụi còn thiếu là 113.000.000 đồng.

+ Xét về nợ hụi: Đối với số tiền 113.000.000 đồng xuất phát từ việc anh N và chị L tham gia 6 phần hụi do chị K làm chủ, cả 06 phần hụi này chị L đều đã hốt hụi và chị L anh N đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho chị K. Xét thấy số tiền nợ hụi 113.000.000 đồng, anh N và chị L đều thừa nhận là có ký vào hợp đồng chơi hụi với chị L, anh N có góp hụi cho chị K, chứng tỏ anh N cũng có quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia chơi hụi này. Cả 06 phần hụi này anh N và chị L tham gia từ năm 2012 và hốt lần cuối năm 2016, chị L hốt vào thời kỳ hôn nhân, anh chị còn sống chung với nhau và không có thời gian ly thân vẫn sống hạnh phúc. Mục đích hốt hụi chị L cho rằng là để xây nhà, trả nợ tiền hụi, trồng nấm rơm và chi tiêu trong gia đình. Việc này được chứng minh nhà xây năm 2013, trả nợ sau khi xây nhà và chị K cũng thừa nhận chị L đã đóng được 92.000.000 đồng tiền hụi chết, còn việc chi tiêu trong gia đình, anh N cùng các con cũng còn sống chung với chị L thì việc chi tiêu trong gia đình cũng có phần anh N và 03 cháu còn đang đi học phải chi các khoản như tiền trường, mua quần áo, sách vở và anh N cũng thừa nhận có trồng nấm như chị L trình bày nhưng anh N khai không có sử dụng tiền từ hốt hụi nhưng anh N không có gì chứng minh vì việc trồng nấm cũng trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đều biết. Ngoài ra, anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh được việc anh N không sử dụng phần tiền này và không đưa ra được chứng cứ chị L dùng số tiền này vào việc riêng bản thân chị Ly. Do đó từ những phân tích trên, qua ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Kiệm, anh N và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ 113.000.000 đồng này là nợ chung của anh N và chị L nên anh N và chị L phải có nghĩa vụ chung, cần buộc anh N và chị L phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hụi 113.000.000 đồng cho chị K.

+ Xét về phần nợ vay: Chị K yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả 10.000.000 đồng có làm biên nhận ngày 11/01/2017 có chữ ký của chị L và chị L thừa nhận và đồng ý trả đã đủ cơ sở đây là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự

năm 2015. Chị L tự nguyện trả số nợ vay là 10.000.000 đồng cho chị L và sự tự nguyện này không trái với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa chị K không yêu cầu anh N trả 10.000.000 đồng nợ vay nên anh N không có nghĩa vụ đối với số tiền này.

[3] Tại phiên tòa chị K rút yêu cầu đối với số tiền 184.000.000 đồng. Nên cần đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[4] Đối với Hà Đại B không yêu cầu gì trong vụ án này về tài sản chung của chị L và anh N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chi phí tố tụng: Do mỗi đương sự được hưởng ½ giá trị tài sản chung nên căn cứ Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn, mỗi bên phải chịu ½ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 1.209.500 đồng. Xác nhận chị L đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.419.000 đồng. Nên anh Náo phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.209.500 đồng lại cho chị L.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí có giá ngạch đối với trị giá tài sản được nhận là 7.306.675 và án phí về phần nợ 3.325.000đ.

Anh N phải chịu án phí có giá ngạch đối với trị giá tài sản được nhận là 7.306.675 đồng và án phí phần nợ là 2.825.000 đồng.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 157 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471, Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Kim L và anh Hà Hoàng N về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Xác nhận khối tài sản chung của chị Pham Kim L và anh Hà Hoàng N gồm: 126.5m^2 thuộc thửa đất số 34 tờ bản đồ số 105 đứng tên hộ Hà Hoàng N, đất tọa lạc tại xã Long T, huyện L, tỉnh Đ và 01 ngôi nhà tường 01 trệt, 01 gác

lửng có mái che khung tiền chế và hàng rào lưới B40, hàng rào khung sắt được xây dựng trên diện tích 126.5m^2, tổng giá trị tài sản là 292.267.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

- Giao cho anh Hà Hoàng N sử dụng toàn bộ diện tích đất 126.5m^2 thuộc thửa đất số 34 tờ bản đồ số 105 đứng tên hộ Hà Hoàng N, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, mục đích sử dụng đất ở nông thôn (có sơ đồ kèm theo) và sở hữu nhà cùng các công trình xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Anh Hà Hoàng N tự nguyện có nghĩa vụ trả lại cho chị Phan Kim L số tiền chênh lệch về tài sản là 146.133.500 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất, nhà đã tuyên trên thuộc thửa đất số 34 tờ bản đồ số 105, mục đích sử dụng đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đ do hộ ông Hà Hoàng N đứng tên quyền sử dụng đất có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ lập ngày 06/3/2018 và biên bản định giá ngày 06/3/2018 của Hội đồng định giá huyện L cùng mãnh trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, tỉnh Đ số 21-2018 vẽ ngày 06/3/2018 kèm theo bản án này.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị K về việc yêu cầu chị Phan Kim L và anh Hà Hoàng N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị K vốn hụi 113.000.000 đồng.

- Buộc chị Phan Kim L và anh Hà Hoàng N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị K nợ hụi là 113.000.000 đồng

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K và chị Phan Kim L về số nợ vay10.000.000 đồng.

- Chị Phan Kim L tự nguyện có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị K vốn vay là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị K đối với chị Phan Kim L và anh Hà Hoàng N về nợ hụi là 184.000.000 đồng.

5. Về chi phí, thẩm định tại chỗ:

Chị Phan Kim L phải chịu chi phí, thẩm định tại chỗ và định giá là 1.209.500 đồng (chị L đã nộp xong)

Anh Hà Hoàng N phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá 1.209.500 đồng, số tiền này chị L đã tạm nộp nên anh N phải có nghĩa vụ trả lại cho chị L 1.209.500 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá.

6. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Chị L phải chịu án phí có giá ngạch đối với trị giá tài sản được nhận là 7.306.675 đồng và án phí về phần nợ 3.325.000 đồng.

- Anh N phải chịu án phí có giá ngạch đối với trị giá tài sản được nhận là 7.306.675 đồng và án phí phần nợ là 2.825.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị K 7.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001188 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư